

Số: /KH-UBND

Yên Bái, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 235-KH/TU ngày 18/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết số 57-NQ/TW*); Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết số 71/NQ-CP*); Kế hoạch số 235-KH/TU ngày 18/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây gọi tắt là *Kế hoạch số 235-KH/TU*). Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch số 235-KH/TU đảm bảo phù hợp, khả thi và tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao trong thực tiễn.

- Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, ban, ngành, đơn vị, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh được xác định trong Kế hoạch này.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp tổ chức phổ biến, quán triệt, triển khai nghiêm túc, sâu rộng các nội dung của Kế hoạch này đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân.

- Phát huy vai trò của người đứng đầu chính quyền các cấp, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong quá trình chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các tổ chức trong hệ thống chính trị, các thành phần xã hội và Nhân dân để thực hiện hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch này.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tạo đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh và bền vững trong kỷ nguyên mới.

- Ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ mới vào thực tiễn công tác quản trị, các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh, tập trung trọng tâm vào ứng dụng các công nghệ mới để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp; nâng cao giá trị của các ngành, lĩnh vực kinh tế, nhất là các ngành kinh tế mũi nhọn, trọng điểm và là thế mạnh của tỉnh; nâng cao chỉ số hài lòng và hạnh phúc của Nhân dân.

- Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng, bảo vệ thông tin, dữ liệu của tổ chức, cá nhân, không để lộ lọt thông tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước trong quá trình triển khai các hoạt động phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến hết năm 2025

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn $\geq 60\%$.

- Có $\geq 60\%$ người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.

- Có Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống, trừ hệ thống thông tin quân sự.

b) Phát triển nguồn lực

- Phần đầu tổng chi ngân sách cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt trên 1%; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt ít nhất 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm 60%.

- 100% cán bộ, công chức các cấp (cấp xã, cấp tỉnh) được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có từ 07 người trở lên thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 30 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.
- Có ít nhất 04 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.
- Có ≥ 20 công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.
- Có ≥ 400 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.
- Có ≥ 25 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được triển khai.
- 100% kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.
- Có ≥ 15 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).
- Có $\geq 40\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.
- Có ≥ 50 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).
- Phần đầu có ≥ 1 công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực.
- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 50 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Có ≥ 03 vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo.
- Có $\geq 15\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Có ≥ 20 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Có ≥ 10 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.
- Có ≥ 5 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.
- Có ≥ 100 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.
- Có $\geq 10\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.
- Có ≥ 30 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh đạt $\geq 0,73$.
- Có $\geq 70\%$ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.
- 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- Có $\geq 70\%$ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.

- Có $\geq 85\%$ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có $\geq 80\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- 100% hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây, trừ hệ thống thông tin quân sự.
- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương.
- 100% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh, trừ hệ thống thông tin quân sự.
- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 80\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).
- Quy mô kinh tế số đạt trên 15% GRDP.
- 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

2.2. Đến hết năm 2030

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 100%.
- 100% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s.

b) Phát triển nguồn lực

- Tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt trên 3%; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.
- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt khoảng 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm khoảng 60%.
- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- Có từ 12 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 600 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.
- Có ≥ 70 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.

- Có ≥ 6 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 40 công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.
- Mỗi năm có ≥ 50 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.
- Có $\geq 60\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.
- Mỗi năm có ≥ 40 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).
- Có $\geq 25\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.
- Mỗi năm có ≥ 150 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).
- Mỗi năm có ≥ 3 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.
- Ứng dụng AI, IoT, Big Data... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 150 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Có ≥ 7 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.
- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Mỗi năm có ≥ 60 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Mỗi năm có ≥ 30 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 20 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 300 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.
- Có $\geq 25\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.
- Mỗi năm có ≥ 70 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh $\geq 0,75$.
- Có 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.
- 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Có $\geq 85\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- 100% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây, trừ hệ thống thông tin quân sự.
- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông tới Trung ương, trừ hệ thống thông tin quân sự.
- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp $\geq 80\%$.
- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.
- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công $\geq 80\%$.
- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công $\geq 80\%$.
- 100% xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước.
- 100% nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử.
- 100% các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử.
- 80% giao dịch không dùng tiền mặt.
- 95% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác.
- 95% người dân có Sổ sức khỏe điện tử.
- 100% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.
- Có $\geq 60\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 80\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).
- Có $\geq 70\%$ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.
- 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Quy mô kinh tế số đạt 30% GRDP.

2.3. Đến hết năm 2035

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn $\geq 50\%$.

b) Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 2\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 95% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- Có từ 20 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 1.200 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.
- Có ≥ 150 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.
- Có ≥ 8 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 80 công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.
- Mỗi năm có ≥ 80 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.
- Có $\geq 75\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn trong vòng 12 tháng sau khi nghiệm thu.
- Mỗi năm có ≥ 80 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).
- Có $\geq 40\%$ tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.
- Mỗi năm có ≥ 300 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).
- Mỗi năm có ≥ 5 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.
- Làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 300 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Có ≥ 12 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.
- Có $\geq 50\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Mỗi năm có ≥ 150 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Mỗi năm có ≥ 60 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 50 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 700 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.
- Có $\geq 40\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.

- Mỗi năm có ≥ 120 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh $\geq 0,85$.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có $\geq 95\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- 100% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây, trừ hệ thống thông tin quân sự.
- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông tới Trung ương, trừ hệ thống thông tin quân sự.
- 100% dữ liệu của các sở, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP.
- Có $\geq 85\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 95\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt 20%.
- Xây dựng các trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh đóng vai trò như “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.
- 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất
- Quy mô kinh tế số đạt 40% GRDP.

2.4. Đến hết năm 2040

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn $\geq 80\%$.

b) Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 2,5\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.
- 97% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- Có từ 33 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.
- Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành “cụm chuyên gia”.
- 80% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 2.000 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.
- Có ≥ 250 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
- Có ≥ 10 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 120 công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.
- Mỗi năm có ≥ 120 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.
- Có $\geq 85\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.
- Mỗi năm có ≥ 120 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).
- Có $\geq 60\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.
- Mỗi năm có ≥ 500 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).
- Mỗi năm có ≥ 8 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.
- Có ≥ 15 trung tâm nghiên cứu, phát triển trọng điểm ở tỉnh, thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư.
- Có ≥ 7 trung tâm nghiên cứu và phát triển hoặc đổi mới sáng tạo của địa phương đạt uy tín trong nước, kết nối quốc tế.
- Có ≥ 250 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trong số đó có 10% doanh nghiệp công nghệ số nội địa vươn tầm khu vực, một số doanh nghiệp làm chủ công nghệ lõi.
- Ứng dụng AI, IoT, Big Data... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 500 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Mỗi năm có ≥ 50 dự án khởi nghiệp sáng tạo.
- Có ≥ 18 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.
- Có $\geq 70\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Có ≥ 15 trung tâm đổi mới sáng tạo trọng điểm ở tỉnh, thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư.
- Mỗi năm có ≥ 300 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Mỗi năm có ≥ 100 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 100 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 1200 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.

- Có $\geq 60\%$ vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.
- Mỗi năm có ≥ 180 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh $\geq 0,92$.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- 100% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây, trừ hệ thống thông tin quân sự.
- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương, trừ hệ thống thông tin quân sự.
- 100% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.
- Có $\geq 95\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 30%.
- Các trung tâm điều hành thông minh của tỉnh thực sự đóng vai trò là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.
- 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Kinh tế số đạt 45% GRDP.

2.5. Đến hết năm 2045

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%.

b) Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 3\%$ tổng chi ngân sách của tỉnh chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.
- 99% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- Có $\geq 90\%$ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).
- Có từ 54 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

- Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành “cụm chuyên gia”.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 3.000 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.
- Có ≥ 400 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
- Có ≥ 12 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 160 công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.
- Mỗi năm có ≥ 160 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.
- Có $\geq 95\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.
- Mỗi năm có ≥ 180 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).
- Có $\geq 80\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.
- Mỗi năm có ≥ 800 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).
- Mỗi năm có ≥ 10 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.
- Có khả năng thu hút nhiều chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu thế giới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ công nghệ mang thương hiệu toàn cầu.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 800 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Mỗi năm có ≥ 50 dự án khởi nghiệp sáng tạo.
- Có ≥ 25 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.
- Có $\geq 90\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Mỗi năm có ≥ 500 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.
- Mỗi năm ≥ 150 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 200 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.
- Mỗi năm có ≥ 1800 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.
- Có $\geq 80\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.
- Mỗi năm có ≥ 250 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh đạt 1,0.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- 100% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây, trừ hệ thống thông tin quân sự.
- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương, trừ hệ thống thông tin quân sự.
- 100% dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP.
- 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 40%.
- Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công.
- Duy trì/nâng cấp trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh đóng vai trò thực sự là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực.
- 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất. Các hệ thống đảng số, chính quyền số vận hành hoàn toàn thông minh.
- Các đô thị vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh.
- Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích.
- Hội nhập sâu với mạng lưới đô thị thông minh toàn cầu, là điểm đến của hợp tác quốc tế về công nghệ, nghiên cứu, du lịch.
- Là đầu tàu về công nghệ mũi nhọn (AI, robot, vật liệu mới, sinh học...), sở hữu công trình nghiên cứu tầm vóc, ứng dụng rộng rãi.
- Kinh tế số đạt 50% GRDP; các ngành đều có khả năng cạnh tranh, xuất khẩu dịch vụ số, sản phẩm công nghệ cao.
- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức cao, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Các nhiệm vụ cần làm ngay (01 nhiệm vụ)

Tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, các Kế hoạch của tỉnh và Kế hoạch của cơ quan, đơn vị, địa phương mình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW sâu rộng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

2. Các nhiệm vụ thực hiện hoàn thành trong năm 2025 (19 nhiệm vụ)

(1) Tổ chức phát động phong trào thi đua “*Cán bộ và Nhân dân tỉnh Yên Bái chủ động, tích cực ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*”.

(2) Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Yên Bái năm 2025.

(3) Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ công trực tuyến tỉnh Yên Bái năm 2025.

(4) Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát động phong trào “*Bình dân học vụ số*” trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

(5) Xây dựng và tổ chức triển khai Bộ tiêu chí của Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của các cơ quan cấp tỉnh, cấp xã.

(6) Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh phát triển hạ tầng số tỉnh Yên Bái năm 2025.

(7) Xây dựng Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Yên Bái giai đoạn 2026 - 2030.

(8) Xây dựng Công dữ liệu mở và kho dữ liệu dùng chung của tỉnh Yên Bái.

(9) Triển khai Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

(10) Rà soát, lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

(11) Rà soát, lập và trình phê duyệt danh mục các phần việc, dự án trọng điểm về ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực hiện giai đoạn 2025-2030 sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

(12) Tổ chức triển khai các Tiêu Đề án/Mô hình và Kế hoạch thực hiện Đề án 06 tỉnh Yên Bái năm 2025.

(13) Xây dựng, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

(14) Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết chuyên đề về chính sách thu hút, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong đó có các chính sách đặc thù, đột phá, mở rộng đối tượng thụ hưởng để phục vụ mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Yên Bái giai đoạn 2025 - 2030.

(15) Xây dựng chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh... đầu tư cho chuyển đổi số,

nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

(16) Nghiên cứu, đề xuất ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

(17) Tổ chức chương trình tôn vinh, khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, đóng góp lớn cho sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh (chương trình là hoạt động hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia 10/10/2025).

(18) Xây dựng danh mục các phân việc, dự án trọng điểm về ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực hiện trong năm 2026 dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

(19) Phân bổ, giao dự toán ngân sách triển khai các nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh năm 2026.

3. Các nhiệm vụ thường xuyên

3.1. Công tác chỉ đạo, điều hành, thông tin - tuyên truyền, kiểm tra - giám sát, sơ kết, tổng kết và thi đua - khen thưởng trong thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh; ban hành Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ các thành viên, Chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo (kịp thời điều chỉnh, bổ sung khi có thay đổi).

- Triển khai thông tin - tuyên truyền thường xuyên, liên tục để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay.

- Thực hiện đa dạng hóa các hình thức thông tin - tuyên truyền; xây dựng tài liệu, cẩm nang tuyên truyền trực quan, phù hợp cho mọi đối tượng; phát huy vai trò của các cơ quan báo chí truyền thông, cổng/trang thông tin điện tử, các kênh truyền thông số chính thức của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc cung cấp thông tin - tuyên truyền về vai trò, tầm quan trọng, lợi ích, các hoạt động về phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số; ban hành và triển khai bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh; tổ chức tuyên truyền, tập huấn về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức và người dân khi tham gia môi trường số.

- Ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo

Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo có liên quan của cấp có thẩm quyền; thực hiện lồng ghép các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW vào các quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tổ chức thực hiện các quy định của cấp có thẩm quyền về trách nhiệm người đứng đầu trong các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Định kỳ hằng năm thực hiện đánh giá và công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước các cấp; lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số là một trong các tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ và xét thi đua, khen thưởng hằng năm.

- Phân đầu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước đạt tối thiểu đạt 25%.

- Phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp, nhà trường. Nghiên cứu đổi mới hội thi sáng tạo khoa học và kỹ thuật tỉnh; hội thi tin học trẻ tỉnh và các hội thi khác về chủ đề khoa học, kỹ thuật và chuyển đổi số theo hướng yêu cầu các sản phẩm dự thi phải có tính thực tiễn, ứng dụng vào các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà để tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng công nghệ số cho người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai phong trào “*Bình dân học vụ số*” thường xuyên, liên tục cho mọi đối tượng, bằng nhiều hình thức khác nhau trong phạm vi toàn tỉnh để phổ cập và nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và kỹ năng công nghệ số cho Nhân dân.

- Thực hiện tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, đóng góp lớn cho sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương; kịp thời có các giải pháp khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Thực hiện nghiêm chế độ thông tin - báo cáo đột xuất, báo cáo định kỳ theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm; sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương.

3.2. Xây dựng, hoàn thiện thể chế và đảm bảo nguồn lực thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Rà soát giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc về thể chế theo thẩm quyền; kịp thời kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản liên quan đến thể chế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; nghiên cứu xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của tỉnh.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách của Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số¹; cơ chế đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số; về tài chính, cơ chế thí điểm miễn trừ trách nhiệm trong thử nghiệm, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đơn giản hóa tối đa hồ sơ, thủ tục quản lý sử dụng và thanh quyết toán đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển đổi số, giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ gắn với cơ chế chia sẻ lợi ích từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng; cơ chế, chính sách ưu đãi và đơn giản hóa thủ tục hành chính về đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; quy định về việc thành lập và sử dụng các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo và chuyển đổi số;...

- Tổ chức rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; sắp xếp lại các tổ chức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo.

- Xây dựng và phát triển trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển của tỉnh. Xây dựng/nâng cấp các cơ sở nghiên cứu, vườn ươm khởi nghiệp; thu hút đầu tư từ doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu. Tạo điều kiện kết nối viện - trường - doanh nghiệp, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống. Xây dựng chính sách khuyến khích và thúc đẩy mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp công nghệ cao. Hỗ trợ thủ tục pháp lý, đào tạo kỹ năng quản trị, marketing, vốn tín dụng,... Kết nối quỹ đầu tư, kêu gọi các nhà đầu tư và cộng đồng để tư vấn, hỗ trợ cho các dự án khởi nghiệp tại địa phương.

- Bố trí đủ nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã đề ra theo kế hoạch; ưu tiên các nhiệm vụ khoa học, công nghệ giải quyết vấn đề bức thiết trong các ngành, lĩnh vực của đời sống xã hội. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép

¹ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo; Luật Công nghiệp công nghệ số; Luật Giao dịch điện tử; Luật Viễn thông sửa đổi; Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;...

với nguồn lực từ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác; xây dựng kế hoạch đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030; kết hợp, sử dụng hiệu quả giữa ngân sách Trung ương hỗ trợ, nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn lực huy động xã hội hóa để thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương.

- Tạo cơ chế, điều kiện chuyển giao công nghệ; sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới (sandbox), có kiểm soát rủi ro; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số. Tiếp tục rà soát đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm các thủ tục không cần thiết, ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, không phụ thuộc vào địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

3.3. Xây dựng, phát triển hạ tầng phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tổ chức thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án của Trung ương về phát triển hạ tầng năng lượng, về phát triển hạ tầng phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các cơ chế, chính sách về hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số hiện đại, công nghệ số chiến lược, đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số; thực hiện lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tiếp tục triển khai Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chiến lược quốc gia về phát triển hạ tầng số đến năm 2030; định kỳ đo lường, đánh giá và công bố công khai kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch đề ra.

- Phát triển hạ tầng mạng viễn thông, internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn tỉnh, mạng thông tin di động thế hệ 5G, 6G; chú trọng phát triển hạ tầng mạng viễn thông, internet tại các khu, cụm công nghiệp, các địa bàn các vùng sâu, vùng xa, các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, khu đông dân cư.

- Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, ứng dụng Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ mới vào các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh như: nông nghiệp, năng lượng, thương mại, giao thông, y tế, giáo dục, du lịch,...; giải quyết vấn đề môi trường, xã hội như: giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai, dịch bệnh;...

- Xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp và khu công nghệ cao của tỉnh; nâng cấp trung tâm dữ liệu tỉnh đảm bảo quy chuẩn và đáp ứng yêu cầu quản trị nhà nước và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xây dựng quy chế về chia sẻ hạ tầng số và thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn.

- Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách: hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ; thu hút tổ chức, doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số, công nghiệp an ninh mạng vào đầu tư tại tỉnh.

- Tổ chức thực hiện và tuân thủ đầy đủ các chiến lược, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hạ tầng, về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực theo quy định của cấp có thẩm quyền.

3.4. Phát triển nguồn nhân lực, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09/7/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới; các chương trình, đề án, chính sách của Trung ương về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Tổng kết, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết, chính sách của tỉnh về phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025², từ đó đề xuất ban hành các nghị quyết, chính sách mới về phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh giai đoạn 2026-2030; chính sách thu hút nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao - có trình độ chuyên môn cao, sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ về làm việc, tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại tỉnh (chính sách về tiền lương, nhà ở, điều kiện làm việc,...).

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh, ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao, chú trọng đào tạo các công nghệ mới. Tiếp tục tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức các cấp theo từng cấp độ; tích hợp, lồng ghép nội dung khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các chương trình bồi dưỡng, tập huấn đối với cán bộ, công chức, viên chức các cấp trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh; đào tạo chuyên sâu các ngành, nghề: khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và một số công nghệ chiến lược tại Trường Cao đẳng Yên

² Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 20/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIX) về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025.

Bái; triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số, tạo điều kiện để học sinh, sinh viên sớm tiếp cận công nghệ, khuyến khích các đề tài khoa học sinh viên, thúc đẩy phong trào nghiên cứu, khởi nghiệp trong môi trường chuyên nghiệp và đào tạo nghề; tăng cường hợp tác đào tạo nhân lực, thúc đẩy hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu có uy tín; đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hoá phương thức đào tạo và tạo điều kiện cho sinh viên nghiên cứu thực tế tại doanh nghiệp; tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM.

- Tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách của cấp có thẩm quyền về ưu đãi thuế, tài chính để khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực công nghệ số; hợp tác công tư và cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia (nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu) trong đào tạo nhân lực công nghệ số.

- Nghiên cứu, đề xuất nhu cầu đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số, công nghệ chiến lược đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các ngành, lĩnh vực của tỉnh.

3.5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

- Xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch thực hiện các Chiến lược của Chính phủ về công nghiệp bán dẫn, chuỗi khối (blockchain), trí tuệ nhân tạo (AI), chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, dữ liệu số,... Tập trung xây dựng, tiếp nhận chuyển giao, ứng dụng các sản phẩm khoa học, nền tảng số, công nghệ mới vào phục vụ công tác quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị của tỉnh.

- Rà soát, bổ sung, ban hành danh mục và triển khai xây dựng/chuẩn hóa các nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh; thực hiện số hóa, cập nhật thông tin, dữ liệu vào các cơ sở dữ liệu đã xây dựng đảm bảo “*đúng, đủ, sạch, sống*”, đồng thời kết nối, liên thông, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, hình thành nên hệ sinh thái dữ liệu mở, thông minh, an toàn, tạo điều kiện để đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan nhà nước lên môi trường số; công khai, minh bạch và nâng cao hiệu lực, hiệu quả các hoạt động quản lý nhà nước theo phương thức chỉ đạo, điều hành và ra quyết định dựa trên dữ liệu; từng bước mở dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận, khai thác, sử dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh kết nối với Trung tâm điều hành của Chính phủ phục vụ và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và ra quyết định của lãnh đạo tỉnh dựa trên dữ liệu; tăng cường tương tác giữa chính quyền và người dân giúp giảm quan liêu của bộ máy nhà nước; giám sát trực tuyến và toàn diện, kịp thời cảnh báo, phát hiện sớm để phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cắt giảm đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; mở rộng toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; tăng cường chỉ đạo, điều hành, giám sát đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công dựa trên dữ liệu và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân.

- Triển khai nền tảng số nhằm giám sát và thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh; phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; phân tích, cảnh báo về nguy cơ quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Hợp tác với doanh nghiệp trong việc phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư.

- Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.

- Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

- Xây dựng văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số; triển khai bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa để phát triển công nghiệp văn hoá; xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số; xây dựng, hoàn thiện và đưa vào khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu về văn hoá, di sản.

- Triển khai quyết liệt các biện pháp, xử lý kịp thời và nghiêm các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương khi tham gia vào môi trường mạng.

- Đầu tư phát triển các hệ thống kỹ thuật có năng lực giám sát không gian mạng, giám sát các nội dung vi phạm pháp luật trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm; chủ động phát hiện, ngăn chặn kịp thời, hiệu quả các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

- Triển khai ứng dụng công nghệ số trong chỉ huy, điều hành tác chiến của lực lượng vũ trang; ngăn chặn có hiệu quả tội phạm trong lĩnh vực công nghệ số, phòng chống lừa đảo trên không gian mạng; xây dựng, phát huy sức mạnh thế trận chiến tranh Nhân dân, thế trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

- Triển khai các cơ chế, biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm mạng. Xây dựng/nâng cấp Trung tâm An ninh mạng tỉnh đảm bảo yêu cầu xử lý, ứng cứu các sự cố an ninh mạng ở mọi cấp độ. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Cùng cố lực lượng nòng cốt, kiêm nhiệm về an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng thực chiến cho các thành viên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh.

3.6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Triển khai các chương trình, đề án, chính sách của Trung ương: hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số; phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ; tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ, tạo môi trường chia sẻ kiến thức, khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

- Xây dựng sàn thương mại điện tử tỉnh hỗ trợ quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế; triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing.

- Xây dựng chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

- Khuyến khích, thúc đẩy chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho doanh nghiệp; thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số, sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực như: nông nghiệp, công nghiệp chế biến, thương mại, tài chính, du lịch, giáo dục, y tế,...

- Tổ chức triển khai Bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp; sử dụng công cụ số để đánh giá trực tuyến mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp định kỳ theo quy định và công bố công khai kết quả đánh giá.

- Thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số; thu hút doanh nghiệp công nghệ đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh theo nguyên tắc: sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực tỉnh đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ.

- Truyền thông thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, gia tăng tỷ trọng giao dịch thương mại điện tử của các ngành, lĩnh vực trong tổng tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ của tỉnh hằng năm.

- Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược để phát triển hạ tầng số, dẫn dắt chuyển đổi số; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

- Xây dựng được ít nhất 01 khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông của tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.

3.7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Nghiên cứu liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận trong và ngoài khu vực để thúc đẩy việc thực hiện nghị quyết (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...), phối hợp phát triển hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.

- Tìm kiếm, thúc đẩy cơ hội hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với các tập đoàn, tổng công ty công nghệ hàng đầu trong và ngoài nước; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiến tiến, chiến lược vào tỉnh; khuyến khích các doanh nghiệp của tỉnh hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến tỉnh làm việc, hợp tác.

- Kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp công nghệ quốc tế; thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao; có cơ chế hỗ trợ mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện của tỉnh; thúc đẩy nâng cao năng lực và chuyển giao công nghệ của các doanh nghiệp trong tỉnh với các đối tác trong và ngoài nước.

- Tích cực tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; xây dựng thương hiệu địa phương về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ; chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp vùng; các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

(Có Phụ lục II kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý, giải quyết

các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện; định kỳ hằng quý và **trước ngày 20/12 hằng năm** hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan, đơn vị ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cụ thể hóa nội dung Kế hoạch này để xây dựng Kế hoạch thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình (hoàn thành **trước ngày 10/5/2025**); định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ **trước ngày 20 của tháng cuối quý và trước ngày 15/12 hằng năm** để tổng hợp, xây dựng báo cáo chung của tỉnh, gửi báo cáo cấp trên.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh phối hợp tuyên truyền, vận động thành viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đề ra trong Kế hoạch này; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình xây dựng và thực thi pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Trung ương, của tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch 235-KH/TU ngày 18/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. *Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 219-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.* Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương cụ thể hóa chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc nội dung chưa rõ, yêu cầu phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- UB MTTQVN tỉnh và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các cơ quan, đơn vị ngành dọc TW đóng tại tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KHCN.

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Anh